TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2025
"*V/v tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị TrungThu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thúy Kiên.**

2. Bà **Thái Ánh Trinh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Điêu Khắc Khanh** –Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Bà **Phạm Ngọc Chi** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1965. (Xin vắng mặt)

Đia chỉ: Ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Võ Văn K**, sinh năm 1967. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02.5.2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Văn K thông qua mai mối, được sự đồng thuận của hai bên gia đình, ông bà tiến đến hôn nhân vào năm 1989 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận kết hôn số đăng ký 246,

quyển số 02/2006, ngày 07.6.2006. Thời gian đầu, ông bà chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông bà đã chính thức ly hôn hơn 10 năm. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông K nên bà yêu cầu ly hôn. Ngoài ra, do bận công việc nên bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Về con chung: Ông, bà có ba con chung tên là Võ Khắc V (nam), sinh ngày: 23.05.1991, Võ Quang T (nam), sinh năm: 21.11.1993 và Võ Thị V1 (nữ), sinh ngày: 29.03.2000. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Võ Văn K trình bày trong quá trình giải quyết vụ án*:

Ông và bà Lê Thị L thông qua mai mối tự nguyện tiến tới tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (cũ), thành phố Cần Thơ vào ngày 07.6.2006. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống đầm ấm và hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cho đến nay thì ông không có biện pháp gì để vợ chồng xóa bỏ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm. Ông bà đã ly thân cách đây mười mấy năm. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà L thì ông đồng ý. Trong quá trình chung sống, ông thống nhất với lời trình bày của bà L là ông bà có ba con chung tên Võ Khắc V (nam), sinh ngày: 23.05.1991, Võ Quang T (nam), sinh năm: 21.11.1993 và Võ Thị V1 (nữ), sinh ngày: 29.03.2000. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, do bận công việc nên ông xin vắng mặt khi Tòa án triệu tập công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa, Chủ tọa đã công bố đơn của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt và tóm tắt nội dung vụ án, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Lê Thị L và ông Võ Văn K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có ba con chung tên Võ Khắc V (nam), sinh ngày: 23.05.1991, Võ Quang T (nam), sinh năm: 21.11.1993 và Võ Thị V1 (nữ), sinh ngày: 29.03.2000. Các con chung đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị L và ông Võ Văn K là tự nguyện. Ông bà tiến tới hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bà L có đơn khởi kiện ly hôn đối với ông K nên Tòa án thụ lý xem xét, giải quyết theo thủ tục chung.

[2] *Về tố tụng:* Nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn ông Võ Văn K vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà L, ông K có đơn và ý kiến xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông K phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù, bà L và ông K đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng vẫn không thể khắc phục được, từ đó hạnh phúc vợ chồng không còn. Từ năm 2015, bà L và ông K sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông K đều đồng ý ly hôn. Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nay bà L và ông K xác định không còn tình cảm với nhau, ông bà có thời gian dài sống ly thân. Từ đó, cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận cho bà Lê Thị L và ông Võ Văn K thuận tình ly hôn.

[4] *Về con chung*: Ông, bà có ba con chung là Võ Khắc V (nam), sinh ngày: 23.05.1991, Võ Quang T (nam), sinh năm: 21.11.1993 và Võ Thị V1 (nữ), sinh ngày: 29.03.2000. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn, bị đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16.5.2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Tuyên án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Lê Thị L và ông Võ Văn K thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Ông bà có ba con chung tên Võ Khắc V (nam), sinh ngày: 23.05.1991, Võ Quang T (nam), sinh năm: 21.11.1993 và Võ Thị V1 (nữ), sinh ngày: 29.03.2000. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu tiền án phí là 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng bà đã đóng theo biên lai thu tiền số 0005584 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Công nhận bà L đã nộp xong. Phần chênh lệch dư bà L được nhận lại.

Ông Võ Văn K phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- UBND phường Thuận Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đoàn Thị Trung Thu